

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 19- 7- 2019
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hồ Lân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Châu

2/ Ông Trần Đại Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử A của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** **Chị Th** – sinh năm: 1990; Trú tại: ấp HN, xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

– **Bị đơn:** **Anh T** – sinh năm: 1984; Trú tại: ấp HN, xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/11/2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T hay ghen tuông vô cớ, hay xúc phạm chị và còn đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, cho đến tháng 1/2017 vợ chồng đã sống ly thân nhau, cũng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tiến.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là LMK – sinh ngày 30/8/2015. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị Th là không có.

Bị đơn anh T trình bày:

Anh T thừa nhận vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/11/2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau, đời sống chung hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th không tôn trọng anh và gia đình bên anh nên anh có tát chị Th một cái và mẹ anh có tát chị Th một cái. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng và gia đình 2 bên ngày càng trầm trọng. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, vì anh muốn đoàn tụ gia đình, vì anh là người theo đạo công giáo.

Về con chung: Anh T và chị Th có một con chung là LMK – sinh ngày 30/8/2015. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao cho chị Th được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: hiện tại chị Th không có yêu cầu, nhưng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu thành niên.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo anh T là không có nợ chung.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, nên đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn anh T cư trú tại ấp HN, xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của chị Th:

Chị Th và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2014 tại UBND xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9; 11; 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có cơ sở để nhận định:

Chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn từ tháng 1 năm 2017 cho đến nay, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau, không thể khắc phục mâu thuẫn. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết ngày 08/5/2019 đến nay, Tòa án cũng nhiều lần tác động, tiến hành hòa giải cho chị Th và anh T để về đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Chị Th thì giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T, còn anh T thì không đồng ý ly hôn muốn đoàn tụ gia đình nhưng không tìm ra được cách khắc phục mâu thuẫn. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã kéo dài hơn 2 năm, từ đó cho thấy đời sống hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[2.2] Về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Th

Chị Th và anh T có một con chung: LMK – sinh ngày 30/8/2015. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và anh Tiến đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

[2.4] Về tài sản: chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét về tài sản.

[2.5] Về nợ chung: Chị Th và anh T khai vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xét chị Th, anh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9;10;11;12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 19; 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, chị Th và anh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung LMK – sinh ngày 30/8/2015 cho chị Th được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung: Kể từ ngày 19/7/2019

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì phải trả lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ: Tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, đến thăm nom con chung, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở...

3. Về tài sản, nợ: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Hai trăm nghìn đồng) mà chị Th đã nộp tại biên lai số 001855 ngày 08/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã HL, H. TN, T. Đồng Nai;
- (ĐK số: 83, ngày 04/11/2014);
- Lưu: văn thư;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Lân